

GIA ĐÌNH NHẬT BẢN NGÀY NAY

MAI HUY BÍCH

Trước chiến tranh, người Nhật coi thiết chế IE (nhà) cùng với “chính thể dân tộc” độc đáo của họ như là những nét ưu việt mà họ có thể khác với các nước khác và các nền văn hóa khác.

Cho đến hết chiến tranh thế giới thứ II, hệ thống gia đình Nhật Bản được chi phối bởi quan niệm IE và được thừa nhận về mặt pháp lý ngay trong luật dân sự Minh trị. Gia đình chỉ đơn thuần là một biểu hiện cụ thể của IE, một hiện thực pháp lý, một khái niệm và thực thể hữu hình được trao truyền trực tiếp từ thế hệ này sang thế hệ khác, IE là một nhóm phức hợp gồm những người có quan hệ bà con họ hàng với nhau, do người con trưởng thừa kế, vừa thừa kế địa vị chủ IE, anh ta vừa thừa kế tài sản gia đình. Sau khi kết hôn, anh ta vẫn sống cùng nhà với cha - người chủ IE và mẹ anh ta. Con cái do công việc phải rời nơi chôn rau cắt rốn, sống xa ngôi nhà thờ tổ tiên, nhưng người con trưởng vẫn ở nhà, do đó thường có hai hay ba thế hệ sống cùng một hộ. Khi người con út rời IE, lập “chí” riêng của mình, sẽ có một gia đình hạt nhân về hình thức nhưng thông qua quan hệ dòng họ, anh ta vẫn gắn với gia đình gốc, và thường lại tạo ra một gia đình mở rộng khác. Nghĩa vụ của con trai, sự kính trọng người lớn tuổi, lợi ích gia đình giữ địa vị chi phối lợi ích từng thành viên - tất cả những nguyên tắc quan hệ gia đình này được mở rộng ra, chuyển sang cả quan hệ xã hội. Các thành viên trong gia đình được dạy cách ngăn chặn những mong muốn riêng và coi mục tiêu sống của họ là duy trì IF, đề cao tên tuổi IE. Với hầu hết các gia đình Nhật Bản, cuộc sống hướng về IE được mọi người thừa nhận.

Việc sửa đổi luật dân sự sau chiến tranh đã bác bỏ sự thống trị về pháp lý của IE đối với cá nhân. Những nguyên tắc mới của gia đình hiện đại đã được đặt làm nền tảng của luật dân sự. Các luật mới này tượng trưng cho một cuộc cách mạng trong đời sống gia đình Nhật Bản. Theo nhà xã hội học Nhật Tadashi Fukutake, luật dân sự đã sửa lại là một sự thách đố đối với hệ thống IE cũ vốn là rất nổi bật của Nhật Bản về những truyền thống đứng đằng sau nó.

Một nhân tố quan trọng trong sự tan rã của IE là sa sút “ý thức IE”. Ở các thành phố, ngay từ trước chiến tranh, vì địa vị kinh tế của con người được nâng cao, địa vị gia đình của họ cũng dễ dàng được đẩy lên, do đó ý thức về địa vị gia đình cả mất sức hấp dẫn và sau chiến tranh càng yếu đi nhiều. Ở xã hội nông thôn tương đối ổn định, bất biến ý thức về địa vị gia đình đặc biệt dai dẳng, nhưng do luật mới là những biến đổi trong địa vị gia đình mà cuộc cải cách ruộng đất mang lại, ý thức đó cũng suy giảm. Sau chiến tranh hệ thống địa chủ tan vỡ, quan hệ địa vị thứ bậc giữa các gia đình dựa trên quan hệ địa chủ - tá điền ngày càng lùi vào quá khứ. Hầu hết các gia đình coi ruộng đất, đôi rùng chỉ đơn giản như một tài sản đáng tin cậy, khác hẳn thời trước, khi người ta xem đó là tượng trưng cho địa vị gia đình.

Ý thức gia đình giảm sút đi liền với sự suy giảm quyền uy của người IE vốn trước kia vừa là đại biểu vừa là người lãnh đạo các thành viên trong gia đình. Thuật ngữ “chủ gia đình” bị xóa bỏ, sự chuyển từ “chủ gia đình” (KOSHU) sang “chủ hộ” (setainushi), khiến gia đình Nhật Bản bây giờ nói chung không còn tính chất chuyên quyền như xưa nữa. Địa vị chung của người phụ nữ cũng được nâng lên. Dĩ nhiên, phụ nữ không hoàn toàn đạt được địa vị bình đẳng với nam giới, nhưng so với trước chiến tranh địa vị của họ trong gia đình trở nên vững chắc hơn nhiều.

Về mặt pháp lý, hệ thống thừa kế đã thay đổi để chia đều tài sản cho các con, nhưng thực tế ngày nay không phải đã hoàn toàn như vậy. Về cơ bản, do ý muốn của cha mẹ, khi chia tài sản vẫn ưu tiên người “thừa kế gia đình” – người hứa sẽ chăm sóc cha mẹ già. Ngay dù con trưởng sống riêng, khi gặp khó khăn tuổi già, cha mẹ vẫn thường nghĩ đến anh ta hơn là tới con thứ hoặc con gái, do đó chi tài sản cho anh ta nhiều hơn. Vậy là hệ thống IE trước chiến tranh đã tan biến về mặt pháp lý, nhưng ở chừng mực đáng kể, những truyền thống vẫn sống sót với tư cách là tập tục. Tốc độ tan vỡ của nó phụ thuộc vào khả năng các chương trình bảo hiểm ch công cộng và sự tiết kiệm cá nhân có thể đảm bảo bảo hiểm cho người già hay không. Xu hướng tiến tới gia đình hạt nhân là không thể đảo ngược; mô hình đó trở thành biểu trưng đáng mong muốn về hạnh phúc gia đình, nhưng ngay ở một xã hội phát triển cao như Nhật Bản, vấn đề người già cũng trở nên nghiêm trọng. Sự đổ vỡ của IE, tình trạng quá chậm trễ của xã hội trong việc đảm bảo cuộc sống cho người già đã tạo nên một lỗ hổng ngày càng rộng theo nhịp độ tăng gia đình hạt nhân, trong khi đó lại không có giải pháp đáp lại, nên hệ thống IE vẫn sống sót dưới những biến dạng méo mó của nó.

Số thành viên trung bình mỗi hộ gia đình Nhật Bản trước chiến tranh là 5, cùng với việc chuyển từ phục hồi kinh tế sau chiến tranh sang phát triển kinh tế, số lượng thành viên giảm sút rõ rệt: năm 1955 mỗi hộ có 4,97 (gần bằng mức trước chiến tranh) năm 1985 chỉ còn là 3,17. Mức trung bình 3 người mỗi hộ có thể so sánh với mức hiện đang đang phổ biến ở châu Âu và châu Mỹ, Tadashi Fukutake cho biết năm 1955 gia đình hạt nhân chiếm 60% tổng số gia đình, năm 1980 là 63%, còn theo Sodei Takako gia đình mở rộng năm 1955 là 1/3 tổng số hộ, năm 1965 còn 1/4 và 1975 là 1/5.

Trong bước chuyển hóa từ gia đình trực hệ cũ sang gia đình một cặp hôn nhân mới, tiến tới giải phóng khỏi cơ cấu trói buộc của quá khứ, giảm số thành viên, cố thể hệ trong gia đình, thì gia đình với tư cách một thiết chế cũng mất khả năng đảm bảo an ninh cho người già mà trước đây nó từng đảm nhận. Theo cuộc điều tra của Bộ y tế và phúc lợi, năm 1980 hơn 60% những người già từ 65 tuổi trở lên ông cùng con cái họ, trong khi năm 1957 là 77%. Kết quả điều tra xã hội về gia đình và về những vấn đề người già của phủ thủ tướng cho thấy tỷ lệ người coi “an ninh cho người già” là trách nhiệm của gia đình giảm từ 13% năm 1969 xuống 22% năm 1973. Trái lại những người cho rằng Nhà nước hay xã hội phải đảm nhận trách nhiệm đó tăng trong thời kỳ tương ứng từ 15% lên 22%.

Trong các hộ gia đình hạt nhân, không còn sức ép tâm lý bắt nguồn từ việc hai thế hệ các cặp hôn nhân sống cùng dưới một mái nhà nữa. Ở chừng mực đó, họ hạnh phúc. Tuy nhiên khi tính đến các khía cạnh tâm lý của hộ, chắc chắn họ không thể yên ổn như khi mới thoát nhìn. Những người vợ trẻ bị mẹ chồng làm phiền, thời kỳ ly hôn do mẹ chồng là nguyên nhân đã thuộc về quá khứ, nhưng lợi ích của việc học kinh nghiệm thế hệ già cũng mất đi. Song song với sự đơn giản hóa về cơ cấu gia đình

về mặt thể hệ, cơ cấu dưới gốc độ quan hệ giới tính trong nội bộ thể hệ vợ chồng cũng trở nên phức tạp, nguy cơ rạn nứt tiềm tàng giữa vợ chồng lại tăng lên, bởi vì người chồng mong muốn tìm được sự an ủi và lối thoát khỏi thất bại trong công việc bằng sự yên ổn về tình cảm ở nhà, lại chỉ thấy hoặc người vợ cả đời quanh quẩn ở nhà, tách biệt với bên ngoài, hoặc chị vợ đi làm thì bản thân chị ta cũng quá mệt mỏi vì công việc rồi, không thể lưu tâm đầy đủ đến những mong đợi của chồng được. Mặt khác những người vợ Nhật cũng ngày càng đòi hỏi cao đối với chồng và không thỏa mãn với hôn nhân. Theo Yamashita Katsutoshi, từ năm 1968, mỗi năm lại đạt một kỷ lục ly hôn mới, đến 1983 có 179.000 vụ ly hôn, 60% trường hợp ly hôn là người vợ khởi xướng.

Để đạt mục tiêu trong nhà có “ba cửa quý” (tủ lạnh, máy giặt, máy hút bụi) hoặc “ba C” (viết tắt tiếng Anh của ba từ: car – ô tô; cooler – tủ ướp lạnh, colour television – tivi màu), cả hai vợ chồng đều đi làm. Theo một cuộc điều tra năm 1975 về lao động nữ, 47% nữ nhân viên các nghề phi nông nghiệp và lâm nghiệp làm việc theo chế độ ngày không đầy đủ đã có chồng vẫn làm việc nhằm nâng cao mức sống, mua sắm tiện nghi hoặc chuyển từ nhà công sang nhà tư. Hậu quả là con cái phải ở nhà không có người lớn trong nom và người ta hạn chế số con theo chiều hướng không đáng mong muốn.

Tình hình trong các gia đình nông dân hơi khác. Cuộc sống trong các gia đình này – thường có hai thế hệ cùng sống dưới một mái nhà – yên ổn hơn các gia đình hạt nhân. Nhưng do tương lai bấp bênh của nông nghiệp, mặt khác hầu hết các gia đình nông dân, để cố gắng nâng cao mức sống, cũng thường có một thành viên thỉnh thoảng xa nhà đi tìm việc làm trong một thời gian dài. Điều đó đôi khi dẫn tới tan vỡ gia đình. Và khi người mẹ đi làm hàng ngày, vấn đề “trẻ em đeo chìa khóa” cũng xuất hiện như ở đô thị. Với những gia đình hạt nhân không đầy đủ, tương lai thật ảm đạm, vì họ không còn hy vọng sự giúp đỡ của bà con họ hàng; các nhà nghiên cứu cho rằng xã hội cần giúp đỡ nhiều hơn là thời kỳ IE thống trị hệ thống gia đình.

Những biến đổi trong gia đình Nhật Bản từ khi hết chiến tranh tới nay đã tác động mạnh mẽ đến chức năng xã hội hóa, đến việc hình thành tính cách. Tadashi Fukutake nghiên cứu thể hệ sống thời thơ ấu trong gia đình trước chiến tranh và thể hệ sau chiến tranh, ông thấy có những khác biệt sâu sắc trong tính cách hai thế hệ đó.

Trước chiến tranh, hầu hết người Nhật lớn lên trong gia đình mở rộng, IE là cơ sở cho sự dạy dỗ này, và thực tế phần lớn trẻ em được giáo dục dưới sự chỉ dẫn của người bà – thường hay chiều cháu – hơn là của mẹ, mẹ không có quyền uy thực tế để rèn con vào kỷ luật. Những đứa trẻ trong các gia đình truyền thống này nhận từ bà và mẹ nề nếp kỷ luật mà Ruth Benedict gọi là “nền văn hóa xấu hổ”. Người cha và người chủ IE cũng hành động trong khung cảnh kỷ luật này của bà mẹ. Kỷ luật nhấn mạnh hành vi nào không gây sự ghét bỏ xấu hổ hay nhạo báng, hơn là những hành vi đúng hay sai. Đứa trẻ được chiều trong thời thơ ấu, nhưng sau một lứa tuổi nhất định, người khác về những gì thích hợp với xã hội. Nó được người ta dạy cho hiểu rằng con đường sống trên đời là nhượng bộ quyền uy của người chủ IE và những người có thể lực khác tuân thủ mô hình hành vi của những người xung quanh. Kiểu giáo dục gia đình này được ủng hộ mạnh mẽ ở cả đô thị cũng như ở nông thôn, và giáo dục nhà trường cũng không làm suy yếu nó.

Với sự biến đổi của gia đình sau chiến tranh, quá trình xã hội hóa này thay đổi như thế nào?

Một trong những điểm dễ thấy nhất trong gia đình hạt nhân ngày nay là đã chấm dứt quyền uy kép vốn là nét đặc trưng của gia đình trực hệ - ví dụ không còn những trường hợp bà có thể xóa bỏ sự khiển trách, trừng phạt của mẹ. Tuy nhiên cha mẹ cũng không thoát khỏi việc chiều con khi con còn nhỏ, vì chính họ từng được chiều chuộng. Họ không thể chuyển sang nếp kỷ luật dân chủ hay tự lập để làm cho trẻ có khả năng tự kiểm soát, độc lập khi lớn. Những người ông, người bà, vốn thuộc thế hệ tiền chiến từng tin chắc vào những giá trị đạo đức mà họ được truyền thụ, nhưng bị chiến tranh làm rung chuyển, không biết xây dựng hệ giá trị mới ra sao, họ không dám chắc dạy con cái họ như thế nào. Thế hệ cha mẹ trẻ, con cái các ông bà này, tuy rất ráo riết muốn dạy con khác hẳn với cách họ đã đối xử trước đây, nhưng lại không xác lập được một phương pháp xã hội hóa trẻ em thích hợp với gia đình hạt nhân. Quá trình xã hội hóa trong gia đình được chiến tranh, tuy ít tạo ra được sự độc lập cá nhân hơn lại có khu nít hướng ổn định mà gia đình hạt nhân hiện đại không sao tìm ra được. Cha mẹ ngày nay không có sự tự tin trong việc dạy dỗ con cái, mà họ không biết chắc phương pháp nào là tốt nhất. Trong một cuộc điều tra dư luận xã hội do phó thủ tướng tiến hành năm 1966, yêu cầu đặt ra đối với người được hỏi là chọn lời đáp nào thích hợp nhất với ý kiến của họ khi so sánh hai phương pháp giáo dục cũ và mới. Các ý kiến chia đều cho cả hai phương án: “Những phương pháp mới gần đây tốt hơn”; “Những phương pháp cách đây một thế hệ tốt hơn”. Nhưng trong một cuộc điều tra năm 1971, 40% những người trả lời nói: “ngày trước tốt hơn”, chỉ 20% nói: “bây giờ tốt hơn”. Đặc biệt ở Tokyo, nơi các gia đình hạt nhân chắc chắn đông hơn, quá nửa số người được hỏi cho rằng các phương pháp cũ tốt hơn. Đây mới là một chỉ báo cho thấy nhiều người nghĩ rằng phương pháp xã hội học của họ không so sánh được với cách mà họ được dạy dỗ. Bảng câu hỏi cho thấy tỉ lệ cao những người không biết chắc phương pháp nào dạy dỗ trẻ tốt hơn. Con cái ngày nay hoặc phản ứng lại sức ép của cha mẹ, hoặc coi thường cha mẹ và trở thành ích kỷ. Một số hoàn toàn thờ ơ và ngoan ngoãn tuân theo ý muốn của cha mẹ. Trừ sự tuân thủ mù quáng, cả hai thái độ trên đều có xu hướng làm cho con cái xa lạ với thế hệ cha mẹ chúng. Chỉ tương lai mới cho biết từ “sự khác biệt thế hệ” liệu có nảy sinh kiểu gia đình sẽ nhào nặn một kiểu cá nhân Nhật Bản mới hay không.

Trong những gia đình vẫn còn là hình thức mở rộng hoặc hình thức trực hệ, việc xã hội hóa thậm chí còn phức tạp hơn. Thế hệ ông bà không còn duy trì được đặc quyền trong việc dạy dỗ trẻ tm mà họ từng có trước chiến tranh, và thế hệ cha mẹ trẻ em lại không có hệ thống nguyên tắc thay thế những nguyên tắc của chính cha mẹ họ. Việc mất sự tự tin của cha mẹ chắc dễ dẫn đến những kết quả là những con người rất khác với quá khứ, và cũng làm cho việc phát triển các khuôn mẫu xã hội hóa mới và hình thành tính cách mất nhiều thời gian hơn.

Gia đình Nhật Bản ngày nay còn chưa tạo được một cơ sở để làm nền tảng nhào nặn tính cách một cá nhân Nhật Bản mới. Có lẽ một khuynh hướng lành mạnh và ổn định đối với xã hội Nhật Bản sẽ xuất hiện khi gia đình hạt nhân có thể xác lập được vị trí vững chắc trong toàn xã hội và xây dựng được khuôn mẫu xã hội hóa thích hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tadashi Fukutake. 1981 *Japaness SortettToday*. Second Edition. University of Tokyo Press.
- Sodei Takako. 1985 *The Fathertes family*, “Japan Quarterly” Vol XXXII. No1.
- Yamashita Katshutoshi, 1986. *Divoree. Japanese Style*. “Japan Quarterly”. Vol XXXIII. No4.